

VỀ NGÔN NGỮ CỦA MÀU SẮC

BÙI BIÊN HÒA

Bản chất sự vật, hiện tượng phản ánh qua màu sắc. Cá tính mỗi người và tâm lý dân tộc cũng thể hiện qua sở thích cảm thụ màu sắc. Sự phân biệt màu sắc là năng lực của tư duy và năng lực này cũng phát triển theo sự phát triển của xã hội ở từng khu vực địa lý.

Ngày nay có một môn khoa học về màu sắc. Có điều trong lịch sử nghiên cứu, đã xuất hiện một số quan niệm khác nhau về bản chất màu sắc. Trong lịch sử hình thành môn khoa học này, chính nhà vật lý vĩ đại người Anh I. Newton đã đặt nền tảng. Nhưng Newton đã sai lầm cho rằng, màu sắc chẳng qua là ánh sáng được phản chiếu lên vật chứ vật không có màu sắc! Quan điểm này của Newton hiện còn đang được giảng dạy ở bậc học phổ thông môn vật lý, phần quang học.

Người đầu tiên phát hiện sai lầm của Newton về bản chất màu sắc là thi hào vĩ đại Goethe người Đức, người ta coi ông là người sáng lập ra môn khoa học chung về màu sắc (Koloristika). Goethe đã nêu ra ba sai lầm của Newton như: Newton khẳng định rằng chỉ có 7 sắc cầu vồng, nhưng trong thực tế chỉ có 6 màu mà thôi, bởi màu lam chỉ là màu lục pha với màu trắng; Newton khẳng định, một đầu của quang phổ là màu đỏ, kết thúc ở đầu kia là màu tím và giữa

các màu này có biên độ khác nhau. Nhưng trong tự nhiên, chúng ta đều thấy màu tím và màu đỏ đứng cạnh nhau, chúng có thể lẫn lộn giữa màu nọ với màu kia. Quả là điều này Newton đã không nghĩ đến. Điều sai lầm thứ ba của Newton là, ông coi màu trắng là màu tổng hợp của các màu, nhưng trong thực tế màu trắng lại là màu độc lập, nó có thể kết hợp với các màu khác để tạo ra các màu nhạt hơn.

Sau Goethe có nhiều nhà nghiên cứu màu sắc cũng đi đến kết luận như ông, trong số này phải kể đến nhà danh họa trường phái siêu thực của thế kỷ XX, người Nga sống tại nước Pháp là V. Kadinski. V. Kadinski từng nêu ra câu hỏi: cái gì tạo ra hội họa?; và ông cho rằng, bản thân hình tượng nghệ thuật chưa là hội họa nếu không có sự tham gia của màu sắc. Từ quan điểm này mà ông đã hình thành trường phái hội họa *trừu tượng* đối lập với chủ nghĩa hiện thực như cách nói của các nhà nghiên

cứu văn hoá. Để làm đậm nét thêm cho trường phái này, những bức tranh của ông toàn dùng các khối màu để diễn tả ý tưởng. Chẳng hạn, vào năm 1914, Kadinski trở về nước Nga, sau đó chứng kiến cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917), ông vẽ bức tranh “Smutnoe” (bức tranh hiện đang lưu giữ tại bảo tàng Tretjakovskaja) diễn tả sự kiện Tháng Mười này bằng những hình khối màu sắc: những đường ngoằn ngoèo nhỏ xen kẽ với nhau bởi các sắc màu từ sáng đến màu đen. Với cách vẽ này, ông bị các họa sĩ đương thời có cách nhìn theo truyền thống coi là chống Xô Viết, chống lại chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa như cách nói của các nhà văn hoá học Xô Viết sau này. Ngày nay ông được xếp vào nhóm các họa sĩ nổi tiếng nhất thế kỷ XX. Việt Nam cũng có họa sĩ nổi tiếng được coi là theo trường phái này, đó là họa sĩ Tạ Tỵ, hiện sống bên Pháp.

Môn khoa học màu sắc theo quan điểm của Gothe còn được các nhà tâm lý học tiếp cận, nghiên cứu. Về điều này phải kể đến hai nhà màu sắc học người Đức là Ljusher M. và Frilinger K., cả hai đều là nhà tâm lý học màu sắc. Hai ông đã xây dựng được những trắc nghiệm mối quan hệ giữa tính cách con người với màu sắc.

Về một khía cạnh nào đó, chúng ta đang sống trong không gian màu sắc. Nhưng khi cần phân biệt và mô tả về màu sắc của một cái gì đó thì không phải ai cũng làm được. Việc phân biệt màu sắc là một khả năng, một năng lực nhận thức cao. Đã có thời người ta chỉ phân biệt mọi vật chỉ theo hai màu trắng và đen, điều đó bây giờ còn thấy ở Tân Ghinê. Hai màu này về sau được bổ

sung thêm màu đỏ, màu xanh như ở một số khu vực châu Phi. Cũng có khu vực lúc ban đầu người ta chỉ phân biệt được ngoài hai màu trắng đen còn bổ sung thêm màu vàng, sau đó là màu xanh (như những người da đỏ, người Eskimo). Người Trung Quốc và người Đông Nam Á, sau khi bản thân họ có khả năng phân biệt các màu trắng, đen, đỏ, xanh lá cây, vàng..., người ta mới phân biệt thêm màu xanh dương; tiếp theo là màu vàng nâu như người ở đảo Bali, Java, Malaysia. Cuối cùng mới có màu hồng, da cam như ở người Nhật, Anh, Nga.

Song cũng có người cho rằng việc phân biệt màu sắc đâu có đơn giản thế! Vàng. Chỉ một màu thôi, vậy xin bạn hãy phân biệt màu xanh trên một cái cây, có bao nhiêu loại màu xanh tất cả?

Nhân loại phân biệt và liệt kê được các màu cũng phải trải qua một quá trình dài. Theo từ điển bách khoa của nước Anh, năm 1493, trong Anh ngữ mới xuất hiện những từ chỉ màu sắc dựa theo cây cỏ, như màu cỏ, màu rêu; năm 1497 mới có những từ chỉ các vật trong giới vô sinh như màu lửa, màu than, màu khói; năm 1570 mới xuất hiện những từ chỉ màu sắc của đá quý và kim loại như màu vàng, màu đồng, màu cẩm thạch, màu rỉ đồng; năm 1684 có các từ chỉ màu sắc của cây cối cụ thể như màu ôliu, màu nho, màu cam, màu cà phê; cuối cùng năm 1778, mới có các màu của đồ vật do con người làm ra, như màu mực, màu vỏ chai. Đến thời hiện đại, thời kỳ của xã hội công nghiệp, nên xuất hiện từ màu xanh coban, màu đỏ đun.

Ngôn ngữ của mỗi một dân tộc có

khả năng nhất định trong việc xây dựng các từ chỉ màu sắc. Như trong tiếng Pháp có 178 từ ngữ chỉ màu sắc được sử dụng tích cực; trong tiếng Anh có 154 từ ngữ; tiếng Nga là 133; tiếng Đức là 120, tiếng Nhật là 45 từ. Trên thực tế có một số từ từng xuất hiện, sau đó mất dần đi do không hợp thời, như tại Việt Nam hôm nay là: màu xanh công nhân, xanh sỹ lâm, màu hồ thủy. Đối với nhiều người cụ thể, sự phân biệt các sắc thái của màu sắc thật khó khăn. Qua điều tra bằng hỏi, nhiều người cho màu xanh lơ và màu xanh lá cây là một, xanh ngọc bích và xanh da trời bị lẫn lộn, nếu hỏi màu hồ thủy là gì hẳn chắc nhiều người chưa tưởng tượng nổi.

Như vậy nhân loại đã trải qua một thời kỳ dài trong cách diễn đạt màu sắc của mình. Mỗi một dân tộc lại có cách tư duy và gọi tên màu sắc khác nhau, tùy theo trình độ phát triển văn hoá xã hội. Về khía cạnh này, có thể nói, có dân tộc phát triển, có dân tộc còn chưa phát triển.

Các nhà khoa học còn cho thấy mối liên hệ giữa tính cách mỗi người với màu sắc. Khi một người nhìn thấy một màu nào đó sẽ có những hiệu ứng đối với hoạt động của bản thân, nó làm thay đổi nhiệt độ cơ thể, nhịp thở, nhịp tim... và liên quan đến tính cách, hành vi của người đó. Nhìn chung, những người khoẻ mạnh thường lựa chọn những màu giữa tím đỏ và vàng da cam; những người không nhạy cảm chọn những màu giữa xanh vàng và xanh da trời; những người nhạy cảm hướng nội chọn giữa xanh da trời và tím đỏ; những người nhạy cảm hướng ngoại chọn giữa màu đỏ và vàng; những người hướng tới cuộc

sống chọn giữa màu vàng da cam và vàng; những người định hướng vào con người thường chọn màu giữa đỏ và xanh lam; những người hướng vào cá nhân chọn màu từ xanh lá cây với xanh lam.

Sự cảm thụ và yêu thích một màu sắc nào đó của mỗi người có sự thay đổi theo trạng thái sức khoẻ. Như khi người ta yêu thích màu xanh và xám là dấu hiệu của sự căng thẳng hệ thần kinh, nhưng nếu đồng thời lại thích cả màu vàng lại là biểu hiện của sự tươi vui. Các nhà tâm sinh lý học cho rằng, những người phụ nữ có thai thường thích màu đỏ-tím, nó thể hiện trạng thái bệnh tật tạm thời, sự sẵn sàng nghe theo lời khuyên, nhu cầu được quan tâm chú ý... Nếu người phụ nữ lại chối từ các màu đó, người đó chưa sẵn sàng đón nhận sự sinh nở; nếu chị ta lại còn từ chối cả màu vàng nữa thì đứa trẻ sinh ra không phải là niềm mong ước của chị ấy và việc sinh nở khó khăn. Phần lớn những người nghiện rượu thích màu đỏ tím nhưng không thích màu vàng. Cơ thể của những người nghiện này luôn bị tổn thương và nói chung có sự trì trệ về trí tuệ. Họ thường không làm chủ được bản thân, sẵn sàng chịu ảnh hưởng vào sự sai khiến. Bệnh nhân lao phổi luôn lo lắng đến sức khoẻ của mình, họ thích màu vàng/da cam vì nó biểu thị sự trong lành của không khí, họ không thích màu cari, màu nâu, coi là xấu, liên tưởng tới bụi có hại cho phổi (trẻ con vẽ không khí trong các bức vẽ của mình thường dùng màu vàng/ da cam).

Thế còn bản thân màu sắc nói gì? Điều muốn nói ở đây là màu sắc tạo ra tính cách và tính cách được thể hiện qua

màu sắc. Một ví dụ điển hình là qua trang phục có thể phản ánh tính cách, giới tính, tuổi tác, thời tiết, nghề nghiệp, bản sắc dân tộc...

Trước hết nói về màu trắng, màu thể hiện sự bắt đầu. Đối với người châu Âu, bộ váy trắng của cô dâu thể hiện sự bắt đầu một cuộc sống mới, đối với người châu Á, bộ đồ tang trắng cũng là sự bắt đầu một cuộc sống mới nhưng “ở thế giới bên kia”. Bộ đồ trắng của bác sĩ thể hiện sự tinh khiết của tâm hồn, của những người mang phước lành đến cho người bệnh, màu trắng màu của lòng nhân hậu, chống lại màu đen màu của chết chóc và cái ác. Ở châu Âu, có thuật ngữ “những người màu trắng” là những người không thích nhìn lại quá khứ, sẵn sàng vứt bỏ quá khứ khỏi sự suy nghĩ của mình để làm lại từ đầu.

Nếu như màu trắng được coi là biểu tượng cho sự khởi đầu thì màu đen thể hiện sự kết thúc. Chính vì vậy nó đồng nghĩa với cái ác, sự nguy hiểm, sự đe dọa, sự cưỡng bức, chết chóc và tang tóc. Ở châu Âu tục mặc đồ tang màu đen lần đầu tiên có từ thế kỷ XXII bắt đầu từ khi Hoàng đế Liudovik dùng trong đám tang của người vợ yêu quý, hoàng hậu Anna.

Trong ngôn ngữ màu sắc thì màu xám tượng trưng cho cuộc sống tăm tối, đói nghèo. “Những người màu xám” là những người nói chung đau khổ, họ sống bằng những sự quan tâm nhỏ nhặt; từ đó rất khó khăn để giao tiếp với họ. Nói cách khác, họ là những người lạnh lùng, thích cô đơn. Chúng ta có thể gặp những người này ở những nơi có sự ngăn cách thực tế hoặc hình thức, đặc biệt những nơi có biển đê: “Không

nhiệm vụ miễn vào”.

Màu đỏ trong tiếng Nga và tiếng Ả-rập đồng nghĩa với chữ đẹp. Quảng trường Đỏ ở Moskva nước Nga nguyên nghĩa từ Đỏ là đẹp. Đây là màu nặng, lạnh lùng, màu nóng, màu khô, màu vang vang và ngọt. Nó như làm cho thời gian chậm lại, trong một khoảng thời gian ngắn nó tác động làm nâng cao năng suất lao động, làm cho căn phòng ồn ào càng thêm ồn ào. Chính vì vậy màu đỏ là màu mang đến sức mạnh, sức khoẻ, niềm vui, sự giàu có, quyền lực. Màu đỏ là màu của các ngôi nhà công cộng, hội trường, của cách mạng, màu mực mà chỉ những người có quyền lực được sử dụng như vua, giám đốc (mực con dấu), thầy giáo (bút đỏ chấm điểm). “Những người đỏ” là những người tích cực trong mọi hoạt động, là những người hay nghĩ về mình, những người vị kỷ: đó là những người thủ lĩnh.

Màu đỏ pha trắng tức màu hồng, trong tâm lý học nó thể hiện cho sự lãng mạn mơ mộng, sự phấn khích không tạo ra một hành động nào, mục đích được thay đổi bằng cái vô mục đích, vì vậy màu này biểu trưng cho tuổi mới lớn. Từ đây mới xuất hiện từ “lãng kính màu hồng”.

Màu da cam là màu của trẻ con, vì vậy những người đàn ông nào thích màu này được coi là những người thích tham gia vào những hoạt động vui chơi tập thể, còn những người phụ nữ là những người hay chạy theo những ham muốn cháy bỏng.

Màu vàng là màu của lạc quan và hy vọng. Nếu màu vàng pha thêm một chút màu xanh ta được màu chanh, một màu nhẹ nhất trong tất cả các loại màu.

“Những người màu vàng” là những người phụ thuộc, một sự phụ thuộc vô thức.

Màu xanh bấy lâu nay được coi là màu của tuổi trẻ, từ đó trong dân gian mới có câu “mái đầu xanh”; màu cũng được coi là biểu tượng của phụ nữ. Có thời người ta coi màu này là biểu tượng của “tư sản”, như phân biệt “nhạc đỏ” đây phấn khích với “nhạc xanh” nhẹ nhàng tươi mát. Những người thích màu này là những người tự tin không thích thay đổi mình mà chỉ tự khẳng định, họ không nghi ngờ vào sự thừa nhận của người xung quanh.

Màu sắc cũng phản ánh đặc điểm khu vực và dân tộc. Gothe từng cho rằng người phương Nam vui tính, hoạt bát hơn dân cư phương Bắc và họ ăn mặc lòe loẹt hơn. Dân cư nông thôn phụ thuộc nhiều vào những nhân tố bên ngoài và sống bằng trực giác nhiều hơn nên họ thích màu như da cam/đỏ/tím/đen. Đó là nông thôn châu Âu, còn nông thôn châu Á thì thích màu đỏ, xanh dương; thậm chí màu sắc của họ cũng có liên quan đến tìm “vận may” qua màu sắc, song cũng có tố chất thích lòe loẹt như cách nói của Göthe.

Vorobiev G. G., nhà thông tin học người Nga đương đại cho rằng, tính cách dân tộc cũng thể hiện trong màu sắc lá quốc kỳ của họ. Ông ví dụ qua lá quốc kỳ của nước Estonia, một nước giáp biển ở vùng Bantic châu Âu; trên lá cờ có 3 màu đen/ xanh /trắng; màu đen màu của đất, màu xanh màu của biển cả, màu trắng màu của trời mây, sông nước. Bên cạnh biểu tượng trời, mây, sông nước còn thấy ở đây tâm lý dân tộc này; màu đen màu của sự lo sợ nguy hiểm, vì

dân tộc này nhỏ bé nằm giữa các cường quốc; màu xanh màu của sự bình yên và bình tĩnh, màu trắng màu của sự sẵn sàng làm lại từ đầu. Ông cũng phân tích màu sắc quốc kỳ nước Nga, cho rằng màu sắc thể hiện sự không ổn định, như màu đỏ là màu của sự tích cực, màu xanh màu của sự chậm chạp, vì vậy phải bắt đầu làm lại từ đầu nhiều thứ, điều đó được thể hiện qua màu trắng.

Có những dân tộc gắn liền với những cuộc chiến tranh, với những sự đổi thay chính trị thường xuyên, của khủng hoảng và cải cách. Điều này thấy rõ nhất trong lịch sử nước Nhật: thảm họa hạt nhân, kinh tế tăng trưởng, khủng hoảng tài chính và năng lượng, luôn có động đất độ rung chấn lớn. Tuy nhiên, người Nhật lại nhìn nhận vấn đề theo hướng phát triển và thể hiện tính cách kiên cường. Đây là suy đoán có thể thông qua lá quốc kỳ 2 màu đỏ- trắng của họ: sẵn sàng quên bỏ quá khứ, hết sức tích cực hướng về tương lai. Nước Nhật đã làm được điều mà họ đã đặt ra qua sắc màu lá quốc kỳ của họ.

Người phương Đông, cụ thể hơn là người Trung Hoa, Việt Nam khi nói đến màu sắc, người xưa có hẳn một triết lý riêng, đó là màu sắc theo tính ngũ hành. Theo triết lý này, trong tự nhiên chỉ có 5 màu cơ bản, màu: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Màu kim sáng sữa, sắc trắng; màu mộc sắc xanh; màu thủy sắc đen, xám; màu hỏa sắc đỏ, hồng; màu thổ sắc vàng, nâu. Các màu đứng cạnh nhau nếu có sự tương sinh sẽ tạo ra cảnh sắc đẹp dễ, thể hiện một trạng thái bình an, phát triển; nếu có sự tương khắc sẽ báo hiệu một cái gì đó xung đột, sự huỷ diệt, sự tranh đấu mà cuối cùng dẫn đến tan vỡ, xa lìa. Chẳng hạn, màu

đỏ đứng cạnh màu vàng, màu xanh là đẹp, là hợp; nhưng đứng cạnh màu trắng, màu đen là xấu, là không hợp. Các triều đại phong kiến xưa, cờ của họ đều có 5 sắc sử dụng theo triết lý ngũ hành; sự phối màu cờ theo cách thức: vàng - trắng - đen - xanh - đỏ, chứ không phải là: vàng - đen - đỏ - trắng - xanh... Cho rằng xếp theo cách thứ nhất sẽ báo hiệu sự phát triển, sự trường tồn và thắng lợi mà cũng đẹp nếu xem xét dưới khía cạnh thẩm mỹ. Còn theo cách thứ hai có sự tương khắc theo triết lý ngũ hành: thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc, mộc khắc thổ. Người Á Đông khi thấy đã có sự khắc thì coi là không tốt đẹp.

Đối với dân cư khu vực Đông Nam Á, màu sắc là điềm báo, là phản ánh trạng thái một xu thế, một hiện trạng của một đối tượng. Như màu xanh biểu trưng sự vĩnh cửu, hoà bình; màu đỏ nói lên hạnh phúc, sự vui mừng; màu vàng là màu thể hiện sự giàu có, màu của các đẳng tối cao, như đồ mặc và đồ dùng của hoàng đế các triều đại phong kiến Việt Nam, Trung Hoa đều màu vàng; màu trắng màu thể hiện sự bi ai, thanh khiết, màu của sự bình thường; màu đen là màu phá hoại, trầm ẩn, màu của địa ngục. Khi Tần Thủy Hoàng diệt nhà Chu thống nhất thiên hạ, lên ngôi hoàng đế, đã chỉ lệnh áo, quần, cờ mao, cờ tiết đều dùng màu đen; vì nhà Chu là “hỏa đức”, nhà Tần diệt được nhà Chu tất phải là “thủy đức”, mà màu của thủy là đen, thủy lại có tính chất và sức mạnh khổng chế dập hỏa. Thực tế lịch sử đã minh chứng, triều đại nhà Tần là triều

đại tàn khốc nhất trong các triều đại phong kiến Trung Hoa. Phải chăng màu đen màu biểu trưng của nhà Tần đã nói lên điều này! Màu sắc biểu trưng của nhà Thanh, Trung Hoa cổ đại là màu xanh dương, hàm ý triều đại này trường tồn vĩnh cửu và an bình. Quả là nhà Thanh tồn tại khá lâu, 269 năm (1644 - 1912). Bởi vậy sắc phục quan lại, quân lính, nền câu đối, biển hiệu... đều màu xanh dương.

Dân gian Đông Nam Á rất trọng lễ tết Nguyên Đán đầu năm theo lịch âm, vào những ngày này mọi người đều rất thận trọng, kiêng kỵ trong không khí vui mừng. Họ cũng sử dụng màu sắc biểu trưng sự hạnh phúc, vui mừng, giàu có, tạo thế mạnh mẽ sẽ có trong năm mới. Các câu đối, hoa đào màu đỏ tượng trưng hạnh phúc, vui mừng; cây quất quả vàng tượng trưng cho sự giàu sang được bài trí trong khuôn viên ngôi nhà để đón xuân. Tất cả màu sắc các vật trên đều xuất phát từ triết lý ngũ hành của người Việt Nam, Trung Hoa cổ xưa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Informatika sveta// NTI. N.12. Ser 2. 1998. st. 1-14.
2. Tuệ Duyên. Phong thủy học. Nxb. Bắc Kinh, B., 2003.
3. Dương Văn Sỹ. Phong thủy với bạn và nhà bạn. Hong Kong, 2002.
4. Sử ký Tư Mã Thiên. Nxb. Văn học, H., 1988.